

Số: /2024/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định chi tiết về hạn mức giao đất cho các tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc; rà soát công bố công khai, lập danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt và việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, xen kẹt; điều kiện, trình tự, thủ tục thẩm định để giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất cho cá nhân; trình tự, thủ tục cho thuê quỹ đất ngắn hạn; việc xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo ngày 18 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 573/TTr-TNMT ngày 22/11/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chi tiết về hạn mức giao đất cho các tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc; rà soát công bố

công khai, lập danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt và việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, xen kẹt; điều kiện, trình tự, thủ tục thẩm định để giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất cho cá nhân; trình tự, thủ tục cho thuê quỹ đất ngắn hạn; việc xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ ngày 10 tháng 12 năm 2024.

Quyết định này thay thế Quyết định số 46/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh Quy định việc rà soát, công bố công khai danh mục và phương án quản lý, sử dụng các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước trực tiếp quản lý; việc lấy ý kiến người dân và việc chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Thủ trưởng cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ Pháp luật- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế của các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Q.Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, các Ban của Đảng;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Bắc Giang và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- VP ĐDBQH&HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LĐVP, các phòng;
- + Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KTN_{S&N}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Thế Tuấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Chi tiết về hạn mức giao đất cho các tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc; rà soát công bố công khai, lập danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt và việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, xen kẹt; điều kiện, trình tự, thủ tục thẩm định để giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất cho cá nhân; trình tự, thủ tục cho thuê quỹ đất ngắn hạn; việc xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

(Kèm theo Quyết định số:/2024/QĐ-UBND ngày ... tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết hạn mức giao đất cho các tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc; rà soát công bố công khai lập danh mục các thửa đất nhỏ hẹp nằm xen kẹt và việc giao đất, cho thuê đất đối với thửa đất nhỏ hẹp, xen kẹt; điều kiện, trình tự, thủ tục thẩm định để giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất cho cá nhân; trình tự, thủ tục cho thuê quỹ đất ngắn hạn; việc xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.
2. Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 4 Luật Đất đai số 31/2024/QH15.
3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất đai.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Hạn mức giao đất cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc

Hạn mức giao đất cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc theo quy định tại khoản 4 Điều 213 Luật Đất đai như sau:

Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được thành lập và hoạt động hợp pháp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang có nhu cầu sử dụng đất thì căn cứ vào nhu cầu thực tế hoạt động tôn giáo và khả năng quỹ đất của địa phương để xem xét

giao đất không thu tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 213 Luật Đất đai quy định như sau:

1. Đối với địa bàn các phường thuộc thành phố, thị xã: Không quá 4.000 m² (bốn ngàn mét vuông).

2. Đối với địa bàn các xã, thị trấn thuộc các huyện, thành phố, thị xã: Không quá 6.000 m² (sáu ngàn mét vuông).

3. Trường hợp tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có nhu cầu sử dụng đất lớn hơn quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thì căn cứ theo quy hoạch xây dựng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định cho từng trường hợp cụ thể.

Điều 4. Rà soát, công bố công khai, lập danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt và việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt

Việc rà soát, công bố công khai, lập danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt và việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt theo quy định tại khoản 4 Điều 47 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai như sau:

1. Rà soát, lập danh mục, lập phương án; công bố công khai và phê duyệt danh mục, phương án giao đất, cho thuê đất các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt

a) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây viết tắt là UBND cấp xã) căn cứ các tiêu chí thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt quy định tại khoản 1 Điều 47 và nguyên tắc giao đất, cho thuê đất theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP thực hiện rà soát lập danh sách các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý trên địa bàn (theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này). Nội dung rà soát gồm: Số tờ bản đồ, số thửa, diện tích, loại đất, địa điểm thửa đất, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị; quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn, quy hoạch xây dựng nông thôn mới đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, các chủ sử dụng đất liền kề. Dự kiến phương án giao đất, cho thuê đất cụ thể đối với từng thửa đất, trích lục hoặc trích đo thửa đất (có thể hiện các thửa đất và chủ sử dụng đất liền kề);

b) Sau khi rà soát, lập danh sách các thửa đất nhỏ hẹp và dự kiến phương án giao đất, cho thuê đất theo quy định tại khoản 1 Điều này, UBND cấp xã thực hiện niêm yết công khai danh mục thửa đất và phương án giao đất, cho thuê đất tại trụ sở của UBND cấp xã, nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng nơi có thửa đất trong danh mục để lấy ý kiến người dân nơi có đất; đồng thời thông báo trên hệ thống truyền thanh của cấp xã và của khu dân cư nơi có đất. Nội dung công khai bao gồm các nội dung rà soát theo quy định tại điểm a khoản 1 này.

Thời gian niêm yết công khai là 30 (ba mươi) ngày; việc niêm yết công khai phải được lập thành Biên bản, các thành phần tham gia gồm: Đại diện UBND cấp

xã, Đại diện lãnh đạo thôn, bản, tổ dân phố, Đại diện Ban công tác Mặt trận ở thôn, bản, tổ dân phố;

Trong thời gian niêm yết, trường hợp người dân có ý kiến, kiến nghị thì phải được thể hiện bằng văn bản, nếu phản ánh trực tiếp thì UBND cấp xã phải lập thành văn bản và yêu cầu người dân ký tên hoặc điền chỉ xác nhận.

c) Trong thời gian không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc niêm yết, UBND cấp xã có trách nhiệm lập biên bản kết thúc việc niêm yết, tổng hợp bằng văn bản ghi rõ số lượng ý kiến không đồng ý, ý kiến khác; giải quyết kiến nghị liên quan theo thẩm quyền (nếu có); hoàn thiện phương án và báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã (sau đây viết tắt là UBND cấp huyện);

d) Trong thời gian không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của UBND cấp xã theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra thực tế và tổ chức thẩm định. Nếu đủ điều kiện thì trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày thẩm định, Phòng Tài nguyên và Môi trường trình UBND cấp huyện quyết định phê duyệt;

đ) Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện có trách nhiệm phê duyệt danh mục và phương án giao đất, cho thuê đất các thửa đất nhỏ hẹp.

Trường hợp chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng thì UBND cấp huyện tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp danh mục trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt và kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt làm căn cứ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định.

2. Việc giao đất, cho thuê đất thực hiện theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

Điều 5. Điều kiện, trình tự, thủ tục thẩm định để giao đất ở cho cá nhân không đấu giá quyền sử dụng đất

Điều kiện, trình tự, thủ tục thẩm định để giao đất ở cho cá nhân không đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 4 Điều 53 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP như sau:

1. Điều kiện giao đất ở cho cá nhân không đấu giá quyền sử dụng đất

a) Phải là người thành niên theo quy định của Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13;

b) Thuộc trường hợp quy định tại điểm a, b, c, d khoản 3 Điều 124 Luật Đất đai.

2. Trình tự, thủ tục thẩm định để giao đất ở cho cá nhân

Hàng năm, UBND cấp xã căn cứ vào quỹ đất đã được xác định vào mục đích đất ở theo kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện mà chưa giao tại địa phương thuộc trường hợp giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu giá

quyền sử dụng đất ở cho cá nhân không thành do không có người tham gia đề thông báo việc giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất trên đài truyền thanh xã, tại trụ sở UBND cấp xã, nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng. Thông báo phải nêu rõ đối tượng, thời gian nộp hồ sơ, thời gian kết thúc tiếp nhận hồ sơ (thời gian tiếp nhận và thời gian kết thúc phải tối thiểu 30 (ba mươi) ngày), thành phần hồ sơ. Căn cứ hồ sơ xin giao đất, UBND cấp xã thực hiện các nội dung sau:

a) Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày kể từ ngày kết thúc tiếp nhận hồ sơ, thành lập Hội đồng xét duyệt giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 53 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, ngoài ra, căn cứ điều kiện cụ thể tại địa phương, UBND cấp xã quyết định các thành phần khác có liên quan; đồng thời giao công chức địa chính tổng hợp, lập danh sách các cá nhân có nhu cầu xin giao đất. Danh sách phải nêu rõ họ và tên, địa chỉ thường trú, đối tượng xin giao đất để chuyển Hội đồng xét duyệt giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất cấp xã;

b) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc tiếp nhận hồ sơ, Hội đồng xét duyệt giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất cấp xã tổ chức xét duyệt đối với từng hồ sơ xin giao đất. Việc xét duyệt giao đất cho cá nhân phải đảm bảo điều kiện theo khoản 1 Điều này;

c) Trong thời hạn 02 (hai) ngày kể từ ngày hoàn thành xét duyệt, UBND cấp xã tổng hợp kết quả xét duyệt, niêm yết kết quả xét duyệt tại trụ sở UBND cấp xã, nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng và thông báo trên loa truyền thanh xã, Cổng thông tin điện tử của UBND cấp xã (nếu có). Thời gian niêm yết 15 (mười lăm) ngày. Việc niêm yết công khai phải được lập thành Biên bản, các thành phần tham gia gồm: Đại diện UBND cấp xã, Đại diện lãnh đạo thôn, bản, tổ dân phố, Đại diện Ban công tác Mặt trận ở thôn, bản, tổ dân phố;

d) Trong thời hạn không quá 05 (năm) ngày kể từ ngày kết thúc niêm yết, UBND cấp xã có trách nhiệm lập biên bản kết thúc việc niêm yết, Tổng hợp danh sách cá nhân đủ điều kiện đề nghị giao đất ở không đấu giá quyền sử dụng đất; Hoàn thiện hồ sơ trình UBND cấp huyện qua Phòng Tài nguyên và Môi trường để thẩm định đối với các trường hợp không có ý kiến thắc mắc, kiến nghị, khiếu nại. Tổng hợp ý kiến và giải quyết kiến nghị liên quan đến việc xét duyệt (nếu có). Hồ sơ đề nghị thẩm định gồm:

Hồ sơ xin giao đất của cá nhân;

Tờ trình của UBND cấp xã về việc đề nghị giao đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất của UBND (kèm theo danh sách đủ điều kiện);

Biên bản xét duyệt của Hội đồng xét duyệt giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất cấp xã;

Biên bản niêm yết công khai, Biên bản kết thúc niêm yết công khai;

Bản tổng hợp ý kiến và kết quả giải quyết;

Bản đồ trích đo địa chính hoặc trích lục bản đồ địa chính các thửa đất;

đ) Trong thời hạn 10 (mười) ngày, Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ giao đất và báo cáo UBND cấp huyện kết quả thẩm định đồng thời gửi kết quả thẩm định đến UBND cấp xã để niêm yết kết quả thẩm định trong thời hạn 02 (hai) ngày kể từ ngày kết thúc thẩm định.

Điều 6. Trình tự, thủ tục cho thuê quỹ đất ngắn hạn

Trình tự, thủ tục cho thuê quỹ đất ngắn hạn theo quy định tại khoản 7 Điều 43 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP như sau:

1. Trung tâm Lưu trữ và Phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển quỹ đất và cụm công nghiệp cấp huyện, Trung tâm Phát triển quỹ đất và quản lý trật tự giao thông xây dựng môi trường cấp huyện (sau đây gọi chung là Tổ chức phát triển quỹ đất) lập danh mục và đề xuất giá khởi điểm cho thuê đất và tài sản gắn liền với đất gửi cơ quan tài chính thẩm định để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; xây dựng phương án cho thuê đất và tài sản gắn liền với đất được giao quản lý và công bố công khai trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, UBND cấp huyện nơi có đất và của Tổ chức phát triển quỹ đất.

Phương án cho thuê đất phải thể hiện rõ vị trí, địa điểm, diện tích, thời hạn cho thuê đất, mục đích, hình thức trả tiền thuê đất, đơn giá khởi điểm cho thuê đất, tài sản gắn liền với đất, các yêu cầu về xây dựng, yêu cầu bảo vệ môi trường, yêu cầu về đặt cọc, trách nhiệm tháo dỡ công trình đối với công trình do bên thuê đất xây dựng khi được thông báo của bên cho thuê đất về việc chấm dứt hợp đồng, không được bồi thường về đất, tài sản và chi phí đầu tư vào đất theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

2. Tổ chức phát triển quỹ đất khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký phải thực hiện việc niêm phong, bảo mật thông tin hồ sơ đăng ký của tổ chức cá nhân; kết thúc thời gian công khai, tổng hợp hồ sơ để công bố công khai theo quy định tại khoản 1 Điều này, giải quyết những vướng mắc phát sinh (nếu có); tổng hợp đơn xin thuê đất; lựa chọn tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 5 Điều 43 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP (việc lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê đất tạm thời phải đảm bảo nguyên tắc bình đẳng, cạnh tranh, công bằng, công khai, minh bạch); xác định tiền đặt cọc đối với trách nhiệm tháo dỡ công trình, ký hợp đồng thuê đất với tổ chức, cá nhân theo quy định.

Điều 7. Xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp

Người sử dụng đất nông nghiệp được sử dụng một diện tích đất để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 178 Luật Đất đai, khoản 1 Điều 9 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa như sau:

1. Đối với đất trồng lúa: Người sử dụng đất có quy mô diện tích đất trồng lúa tập trung từ 50 ha (năm mươi héc ta) trở lên được sử dụng một phần diện tích đất để xây dựng công trình phục vụ sơ chế, bảo quản nông sản; kho chứa vật tư nông nghiệp, máy móc, dụng cụ lao động; trưng bày, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp theo quy định sau:

a) Diện tích xây dựng tối đa 0,1% (không phải một phần trăm) tổng diện tích và dưới 1.000 m² (một ngàn mét vuông);

b) Vị trí xây dựng công trình do người sử dụng đất quyết định đảm bảo không làm ảnh hưởng đến công trình thủy lợi, công trình đê điều, giao thông nội đồng, diện tích đất trồng lúa liền kề.

2. Đối với đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất trồng cây hàng năm khác, đất nông nghiệp khác.

Người sử dụng đất được sử dụng một phần diện tích đất không quá 20 m² (hai mươi mét vuông) để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp (xây dựng nhà nghỉ, lán, trại để phục vụ cho người lao động; đất xây dựng công trình để bảo quản nông sản, chứa thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, máy móc, công cụ và các công trình phụ trợ khác) theo quy định sau:

a) Đối với đất trồng cây lâu năm: Người sử dụng đất có quy mô diện tích đất trồng trồng cây lâu năm hoặc đất được chuyển đổi sang trồng cây lâu năm tập trung từ 01 ha (một héc ta) trở lên;

b) Đối với đất nuôi trồng thủy sản: Người sử dụng đất có quy mô diện tích đất nuôi trồng thủy sản hoặc đất được chuyển đổi sang nuôi trồng thủy sản tập trung từ 0,5 ha (không phải năm héc ta) trở lên;

c) Đối với đất trồng cây hàng năm khác: Người sử dụng đất có quy mô diện tích từ 0,5 ha (không phải năm héc ta) trở lên;

d) Đối với đất nông nghiệp khác theo phân loại của pháp luật đất đai 2024: Người sử dụng đất có quy mô diện tích từ 0,5 ha (không phải năm héc ta) trở lên;

đ) Cấp công trình: Là công trình cấp IV (xây dựng một tầng, không xây dựng tầng hầm, xây dựng bằng vật liệu lắp ghép đơn giản, dễ tháo dỡ, không sử dụng vào mục đích để ở, dạng mái ngói hoặc mái tôn đơn giản).

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nội vụ, Cục Thuế tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các cơ quan liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện các nội dung liên quan tại Quy định này; đề xuất giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

2. UBND cấp huyện có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước trực tiếp quản lý trên địa bàn cấp huyện gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 11 hàng năm để Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân

tỉnh; quản lý, kiểm tra, giám sát việc xây dựng công trình theo quy định tại Điều 7 Quy định này; xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật khác liên quan theo thẩm quyền; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân lập hồ sơ giao đất, thuê đất, đăng ký đất đai theo phương án, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt; tổ chức chỉ đạo, thực hiện, kiểm tra, xử lý các trường hợp xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp không đúng quy định; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh nếu để xảy ra tình trạng xây dựng công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp vi phạm pháp luật trên đất thuộc địa bàn mình quản lý.

3. UBND cấp xã có trách nhiệm quản lý, kiểm tra, giám sát việc xây dựng công trình quy định tại Điều 7 Quy định này; xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật khác liên quan theo thẩm quyền; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân lập hồ sơ giao đất, thuê đất, đăng ký đất đai theo phương án, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

Điều 9. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện Quy định này nếu có vướng mắc, UBND cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định./.

PHỤ LỤC
RÀ SOÁT DANH MỤC CÁC THỬA ĐẤT NHỎ HẸP, NĂM XEN KẸT VÀ DỰ
KIỆN PHƯƠNG ÁN GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT
(Ban hành kèm theo Quyết định số .../2024/QĐ-UBND
ngày tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

.....

Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Số: /UBND

....., ngày tháng năm

DANH MỤC CÁC THỬA ĐẤT NHỎ HẸP, NĂM XEN KẸT
DO NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ TRÊN ĐỊA BÀN...

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh Bắc Giang Ban hành Quy định chi tiết về hạn mức giao đất cho các tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc; rà soát công bố công khai, lập danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, năm xen kẹt và việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, xen kẹt; điều kiện, trình tự, thủ tục thẩm định để giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất cho cá nhân; trình tự, thủ tục cho thuê quỹ đất ngắn hạn; việc xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

Ủy ban nhân dân ... thực hiện việc rà soát và lập danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, năm xen kẹt do Nhà nước quản lý trên địa cấp xã/cấp huyện cụ thể như sau:

STT	Số tờ trên bản đồ địa chính	Số thửa trên bản đồ địa chính	Diện tích (m ²)	Vị trí thửa đất	Mục đích sử dụng đất theo hiện trạng	Quy hoạch sử dụng đất và các Quy hoạch khác có liên quan	Dự kiến Phương án giao đất, cho thuê đất	Ghi chú
1								
2								
...								

TM. UBND.....

(Ký tên, đóng dấu)